

Bản án số 47/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29.10.2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Ông Nguyễn Đình Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh C - Sinh năm 1991; nơi cư trú: 16 T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Công N - Sinh năm 1984; nơi cư trú: 34/19 A, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 27 tháng 8 năm 2018, Bản tự khai ngày 05 tháng 10 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Quỳnh C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Công N tự nguyện kết hôn vào năm 2011; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn, bà và ông N chung sống tại 34/19 Âu Cơ, phường H - là nhà của cha mẹ ông N. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2014. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, bất đồng về quan điểm sống; ông N không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Bà và ông N đã sống ly thân đến nay đã 03 năm. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông N, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà xác định bà và ông N có 02 con chung là Trần Khánh N - sinh ngày 11 tháng 12 năm 2011 và Trần Nguyễn Gia H - sinh ngày 06 tháng 5 năm 2014. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ chia tài sản: Bà xác định bà và ông N không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Trần Công N không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông N vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 68; các điều từ 93 đến 97; các điều 195, 195 và 203 Bộ luật Tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với bị đơn đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông N; căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung cho bà C nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Trần Công N; nhưng tại phiên tòa, ông N vắng mặt lần hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Quỳnh C và ông Trần Công N đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà C và ông N là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà C đối với ông N, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông N không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà C. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà C và ông N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2014. Nguyên nhân theo bà C trình bày là do vợ chồng không hợp về tính tình và quan điểm sống; ông N không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Việc ông N không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông N không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà C và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà C đối với ông N, xử cho bà C được ly hôn với ông N.

Về quan hệ nuôi con chung: Bà C xác định bà và ông N có 02 con chung là Trần Khánh N - sinh ngày 11 tháng 12 năm 2011 và Trần Nguyễn Gia H - sinh ngày 06 tháng 5 năm 2014. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con. Con chung Khánh N, đủ 07 tuổi, có nguyện vọng được sống với mẹ. Ông N không thể hiện ý kiến yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cả 02 con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về quan hệ chia tài sản: Bà C xác định bà và ông N không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Quỳnh C phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quỳnh C đối với ông Trần Công N về việc “Tranh chấp ly hôn”.

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà C được ly hôn với ông N.

* Về quan hệ nuôi con chung:

Xử: Giao cả 02 con chung là Trần Khánh N - sinh ngày 11 tháng 12 năm 2011 và Trần Nguyễn Gia H - sinh ngày 06 tháng 5 năm 2014 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về quan hệ chia tài sản: Bà C xác định bà và ông N không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Quỳnh C phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0003199 ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. Quận Liên Chiểu;
- UBND. Phường Hòa Khánh Bắc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

